

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 20



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong giai đoạn và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị:

Ông Trần Vĩnh Đức	Chủ tịch
Ông Mai Hữu Thọ	Thành viên
Ông Lê Song Lai	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Năng	Thành viên
Ông Costa Jean - Luc Francois	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Khang	Thành viên
Ông Lê Văn Thành	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc:

Ông Lê Văn Thành	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Xuân Phong	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Năng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Sinh Tiến	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát:

Ông Lê Việt Thành	Trưởng ban
Ông Đặng Kỳ Trung	Thành viên
Ông Lê Anh Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Dũng	Thành viên
Ông Clause Pierre Seigne	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Văn Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2011

Số: 28 /2012 /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi:
Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh (gọi tắt là "Tổng Công ty"), từ trang 4 đến trang 20. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Như đã nêu tại Thuyết minh số 8 phần thuyết minh báo cáo tài chính, Bộ Tài chính đã có Công văn số 6845 ngày 26 tháng 5 năm 2011 quyết định về việc thu hồi vốn đầu tư và lợi nhuận từ việc thanh lý khoản đầu tư vào công ty Bảo Minh - CMG, một công ty liên doanh vào năm 2007 với tổng số tiền là 210.349.800.000 đồng (tương đương 10.236.000 Đô la Mỹ). Tuy nhiên, Tổng Công ty đang chờ hướng dẫn xử lý cụ thể từ Bộ Tài chính nên số tiền này vẫn đang tiếp tục được theo dõi trên khoản mục các khoản phải thu khác trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2011.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có vấn đề đáng lưu ý nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm.

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cùng với kết quả hoạt động kinh doanh riêng, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0488/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 12 tháng 8 năm 2011
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Thanh Đăng Sơn
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1542/KTV

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Báo cáo tài chính**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Mẫu B01-DNBH

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.345.107.133.878	2.085.950.482.757
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	155.038.962.547	161.169.416.926
1. Tiền	111		115.838.962.547	116.969.416.926
2. Các khoản tương đương tiền	112		39.200.000.000	44.200.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	1.033.114.480.612	1.022.132.787.970
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.034.444.050.879	1.022.300.847.130
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.329.570.267)	(168.059.160)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.129.549.676.524	889.099.613.498
1. Phải thu khách hàng	131	7	622.859.392.665	512.436.575.671
2. Trả trước cho người bán	132		71.230.467.184	71.469.340.658
3. Các khoản phải thu khác	135	8	462.644.805.108	332.490.743.802
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(27.184.988.433)	(27.297.046.633)
IV. Hàng tồn kho	140		3.972.873.355	4.155.845.788
1. Hàng tồn kho	141		3.972.873.355	4.155.845.788
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		23.431.140.840	9.392.818.575
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.036.429.803	1.052.839.181
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.774.138.991	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		15.620.572.046	8.339.979.394
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.516.233.279.209	1.554.649.177.411
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		27.237.204.416	23.352.270.045
1. Phải thu dài hạn khác	218		27.237.204.416	23.352.270.045
II. Tài sản cố định	220		443.572.486.594	430.011.591.119
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	98.114.652.093	93.853.906.838
- Nguyên giá	222		195.517.497.073	185.123.715.497
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(97.402.844.980)	(91.269.808.659)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	286.636.572.106	289.417.701.599
- Nguyên giá	228		309.002.842.737	308.347.990.197
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(22.366.270.631)	(18.930.288.598)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	58.821.262.395	46.739.982.682
III. Bất động sản đầu tư	240		7.655.042.500	7.655.042.500
- Nguyên giá	241		7.655.042.500	7.655.042.500
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		978.757.632.598	1.039.337.505.205
1. Đầu tư vào công ty con	251	12	210.248.000.000	210.248.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	13	152.781.309.450	152.781.309.450
3. Đầu tư dài hạn khác	258	14	682.854.406.913	703.813.646.913
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259	14	(67.126.083.765)	(27.505.451.158)
V. Tài sản dài hạn khác	260		59.010.913.101	54.292.768.542
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	48.180.262.360	45.106.240.651
2. Ký quỹ bắt buộc	263		6.000.000.000	6.000.000.000
3. Tài sản dài hạn khác	268		4.830.650.741	3.186.527.891
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.861.340.413.087	3.640.599.660.168

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 20 là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Mẫu B01-DNBH

Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.687.926.756.443	1.442.702.598.584
I. Nợ ngắn hạn	310		502.767.745.962	463.858.439.695
1. Phải trả người bán	312	16	305.102.768.194	251.806.899.775
2. Người mua trả tiền trước	313		80.559.974.900	107.739.847.011
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	22.881.634.522	23.146.125.504
4. Phải trả người lao động	315		31.602.101.616	17.354.091.861
5. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		62.621.266.730	59.808.787.357
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	4.002.688.187
II. Dự phòng nghiệp vụ	330	18	1.184.987.341.751	978.686.990.159
1. Dự phòng phí	331		812.457.563.519	642.325.349.977
2. Dự phòng bồi thường	332		186.023.389.519	168.180.397.171
3. Dự phòng dao động lớn	333		186.506.388.713	168.181.243.011
III. Nợ dài hạn	340		171.668.730	157.168.730
1. Phải trả dài hạn khác	343		171.668.730	157.168.730
B. NGUỒN VỐN	400		2.173.413.656.644	2.197.897.061.584
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	2.173.413.656.644	2.197.897.061.584
1. Vốn điều lệ	411		755.000.000.000	755.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.133.484.074.449	1.133.484.074.449
3. Quỹ dự trữ bắt buộc	417		38.583.898.644	39.369.447.307
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		8.282.916.946	9.068.465.609
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		238.062.766.605	260.975.074.219
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		3.861.340.413.087	3.640.599.660.168



Vũ Thị Dung
Người lập



Nguyễn Phú Thủy
Kế toán trưởng



Lê Văn Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 8 năm 2011

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 20 là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Báo cáo tài chính**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011**Mẫu B 02a-DNBH**

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010
Thu phí bảo hiểm gốc	01		1.156.992.263.501	1.059.424.805.140
Thu phí nhận tái bảo hiểm	02		99.705.257.312	86.383.448.080
Các khoản giảm trừ	03		(312.525.997.401)	(301.421.556.351)
<i>Phí nhượng tái bảo hiểm</i>	<i>04</i>		<i>(308.995.249.821)</i>	<i>(286.475.860.486)</i>
<i>Giảm phí bảo hiểm</i>	<i>05</i>		<i>(112.509.046)</i>	<i>(231.528.893)</i>
<i>Hoàn phí bảo hiểm</i>	<i>06</i>		<i>(3.418.238.534)</i>	<i>(14.714.166.972)</i>
Tăng dự phòng phí	08		(170.132.213.542)	(120.095.294.851)
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	09		45.673.135.058	38.462.207.483
Thu từ các hoạt động kinh doanh bảo hiểm khác	10		693.872.755	883.995.303
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	14		820.406.317.683	763.637.604.804
Chi bồi thường bảo hiểm gốc	15		(364.228.080.861)	(366.167.931.518)
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	16		(31.384.527.991)	(32.692.222.689)
Trừ các khoản khấu trừ	17		61.893.301.587	67.018.020.562
<i>Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</i>	<i>18</i>		<i>53.925.598.115</i>	<i>65.076.660.447</i>
<i>Thu đòi người thứ ba bồi hoàn</i>	<i>19</i>		<i>7.846.876.508</i>	<i>1.721.209.046</i>
<i>Thu hàng đã xử lý bồi thường 100%</i>	<i>20</i>		<i>120.826.964</i>	<i>220.151.069</i>
Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại	21		(333.719.307.265)	(331.842.133.645)
Sử dụng quỹ dự phòng dao động lớn	22		10.000.000.000	-
Tăng dự phòng bồi thường	23		(17.842.992.305)	(72.020.010.078)
Trích dự phòng dao động lớn	24		(28.325.145.702)	(25.331.600.906)
Chi hoa hồng bảo hiểm gốc	27		(116.847.236.658)	(71.673.996.516)
Chi đòi người thứ ba	29		(443.296.211)	(24.450.000)
Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	31		(191.524.215)	(464.243.999)
Chi đề phòng hạn chế rủi ro, tổn thất	32		(3.660.404.076)	(3.231.019.848)
Chi khác (giám định, phí đồng bảo hiểm....)	33		(39.023.602.756)	(272.384.117)
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	35		(22.673.749.128)	(20.915.278.400)
Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	41		(552.727.258.316)	(525.775.117.509)
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	42		267.679.059.367	237.862.487.295
Chi phí quản lý doanh nghiệp	44		(264.105.330.634)	(236.466.632.819)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	45		3.573.728.733	1.395.854.476
Doanh thu hoạt động tài chính	46	20	172.654.001.029	164.192.121.760
Chi phí tài chính	47	21	(78.627.612.828)	(38.934.310.874)
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	51		94.026.388.201	125.257.810.886
Thu nhập khác	52		79.808.510	200.683.081
Chi phí khác	53		(277.467.228)	(4.351.273)
Lợi nhuận khác	54		(197.658.718)	196.331.808
Lợi nhuận trước thuế	55		97.402.458.216	126.849.997.170
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	60	22	(6.867.220.325)	(12.405.457.514)
Lợi nhuận sau thuế	61		90.535.237.891	114.444.539.656


Vũ Thị Dung
Người lập


Nguyễn Phú Thủy
Kế toán trưởng


Lê Văn Thanh
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 8 năm 2011



Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 20 là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Báo cáo tài chính**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****(Phương pháp gián tiếp)**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Mẫu B03-DNBH

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 (trình bày lại)
1. Lợi nhuận trước thuế	01	97.402.458.216	126.849.997.170
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	10.241.988.809	8.840.072.907
Các khoản dự phòng	03	246.970.437.106	223.417.567.480
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(12.933.243.856)	(9.324.152.319)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(133.497.208.544)	(138.619.828.649)
Chi phí lãi vay	06	-	3.245.306.667
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	208.184.431.731	214.408.963.256
Tăng các khoản phải thu	09	(258.277.670.840)	(213.820.886.045)
Giảm/ (tăng) hàng tồn kho	10	182.972.433	(1.045.830.291)
Tăng các khoản phải trả	11	36.340.251.952	133.249.525.790
Tăng chi phí trả trước	12	(3.074.021.709)	(21.570.451.347)
Tiền lãi vay đã trả	13	-	(3.245.306.667)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.283.666.010)	(15.074.952.348)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	16.409.378	4.625.006.241
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.381.039.681)	(106.386.258.364)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(24.292.332.746)	(8.860.189.775)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(23.834.610.284)	(31.098.541.395)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	89.813.636	14.720.000
Tiền chi cho đầu tư ngắn hạn và dài hạn	23	(975.088.130.979)	(618.044.810.417)
Tiền thu hồi từ các khoản đầu tư	24	984.012.430.979	763.483.400.346
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	133.299.131.159	108.305.464.564
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	118.478.634.511	222.660.233.098
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(100.000.000.000)
Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(113.250.000.000)	(90.600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(113.250.000.000)	(190.600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(19.063.698.235)	23.200.043.323
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	161.169.416.926	159.355.358.482
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	12.933.243.856	9.324.152.319
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	155.038.962.547	191.879.554.124


Vũ Thị Dung
 Người lập


Nguyễn Phú Thủy
 Kế toán trưởng


Lê Văn Thành
 Tổng Giám đốc
 Ngày 12 tháng 8 năm 2011

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 20 là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập tại Việt Nam, là một công ty cổ phần, theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 27GP/KDBH ngày 8 tháng 9 năm 2004 do Bộ Tài chính ban hành, và các giấy phép điều chỉnh. Cổ phiếu của Tổng Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 28 tháng 11 năm 2006 và chuyển sang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 21 tháng 4 năm 2008 với mã số chứng khoán là BMI.

Tổng Công ty có 60 chi nhánh trên cả nước, một công ty con và một công ty liên doanh.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 1.808 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 1.806 người).

Hoạt động kinh doanh chính

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là cung cấp các dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ và đầu tư tài chính.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cùng với kết quả hoạt động kinh doanh riêng, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày; do đó, Tổng Công ty không hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh trong báo cáo tài chính này. Các khoản đầu tư của Tổng Công ty được ghi nhận theo các chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 4 bên dưới.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 hằng năm.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa	5 - 25
Phương tiện vận tải	7 - 12
Máy móc thiết bị	4 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản khác	3 - 5

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu toàn bộ rủi ro về sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính và quyền sử dụng đất để xây trụ sở ở các chi nhánh. Phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 8 năm. Theo quy định hiện hành, Tổng Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không thời hạn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Dạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư thể hiện quyền sử dụng đất không thời hạn do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá, được trình bày theo nguyên giá và không trích khấu hao. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Đầu tư vào công ty con

Đầu tư vào công ty con được trình bày theo giá gốc, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến các khoản đầu tư. Tại ngày báo cáo tiếp theo, các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá đầu tư.

Góp vốn liên doanh

Khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tại ngày báo cáo tiếp theo, khoản góp vốn vào công ty liên doanh được trình bày theo nguyên giá gốc, trừ đi khoản giảm giá đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại ngày báo cáo tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán niêm yết có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính. Tổng Công ty không lập dự phòng đối với các chứng khoán chưa niêm yết mà không thể thu thập được giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ và chi phí hoa hồng chờ phân bổ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian mà Tổng Công ty ghi nhận các lợi ích kinh tế.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu kinh doanh bảo hiểm được ghi nhận khi đơn bảo hiểm có hiệu lực, khi nhận được các bảng thanh toán từ nhà nhận tái bảo hiểm cũng như nhà nhượng tái bảo hiểm.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí hoa hồng

Chi phí hoa hồng được ghi nhận trên cơ sở thực chi khi thực thu phí bảo hiểm hoặc phân bổ theo thời gian hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Dạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Dự phòng nghiệp vụ**

Dự phòng phí được tính theo phương pháp tỷ lệ 1/8 (hàng nửa quý) hoặc 1/365 (hàng ngày) dựa trên hệ số của thời hạn hiệu lực hợp đồng bảo hiểm. Phương pháp 1/365 áp dụng cho các loại hình bảo hiểm được ghi nhận và theo dõi trên phần mềm nghiệp vụ bảo hiểm Policy/Asia và phương pháp 1/8 được áp dụng cho các loại hình bảo hiểm còn lại. Việc áp dụng cả hai phương pháp này được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 9330/BTC-QLBH ngày 30 tháng 6 năm 2009.

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh nhưng chưa giải quyết được tính theo từng trường hợp cụ thể căn cứ vào số liệu thực tế ước tính các tổn thất phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm bao gồm cả các nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm đã khiếu nại trong năm tài chính.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19 - Hợp đồng bảo hiểm thì các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, hiện tại chưa có các hướng dẫn chính thức của Bộ Tài chính liên quan đến chuẩn mực này nên dự phòng dao động lớn được tiếp tục trích lập theo quy định tại Thông tư số 156/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Trong năm, Tổng Công ty trích lập dự phòng dao động lớn theo tỷ lệ là 3% phí bảo hiểm giữ lại (năm 2009: 3%) và được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí bảo hiểm giữ lại trong năm tài chính.

Các khoản dự phòng khác

Các khoản dự phòng khác được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày lập báo cáo tài chính.

Quỹ dự trữ bắt buộc và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 5% và tiếp tục được trích lập tới khi bằng 10% vốn điều lệ của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập vào cuối năm tài chính.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 5% và tiếp tục được trích lập tới khi bằng 10% vốn điều lệ theo Điều lệ Tổng Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Tiền mặt	12.914.923.773	14.310.620.931
Tiền gửi ngân hàng	101.016.226.153	102.658.795.995
Tiền đang chuyển	1.907.812.621	-
Các khoản tương đương tiền	39.200.000.000	44.200.000.000
	155.038.962.547	161.169.416.926

Các khoản tiền tương đương thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn ít hơn 3 tháng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Cổ phiếu niêm yết VNĐ	Cổ phiếu chưa niêm yết VNĐ	Trái phiếu VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
GIÁ TRỊ KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN					
Tại ngày 1/1/2011	794.304.979	25.500.000.000	-	996.006.542.151	1.022.300.847.130
Tăng	3.201.144.728	-	20.000.000.000	894.000.000.000	917.201.144.728
Giảm	(794.304.979)	-	-	(904.263.636.000)	(905.057.940.979)
Tại ngày 30/6/2011	3.201.144.728	25.500.000.000	20.000.000.000	985.742.906.151	1.034.444.050.879

DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Tại ngày 1/1/2011	168.059.160	-	-	-	168.059.160
Giảm dự phòng	1.161.511.107	-	-	-	1.161.511.107
Tại ngày 30/6/2011	1.329.570.267	-	-	-	1.329.570.267

GIÁ TRỊ THUẬN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Tại ngày 30/6/2011	1.871.574.461	25.500.000.000	20.000.000.000	985.742.906.151	1.033.114.480.612
Tại ngày 31/12/2010	626.245.819	25.500.000.000	-	996.006.542.151	1.022.132.787.970

Các khoản đầu tư ngắn hạn khác là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Phải thu bảo hiểm gốc	529.193.202.392	434.986.939.316
Phải thu tái bảo hiểm	93.666.190.273	77.449.636.355
	622.859.392.665	512.436.575.671

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 và ngày 31 tháng 12 năm 2010, các khoản phải thu khác bao gồm số tiền 210.349.800.000 đồng (tương đương 10.236.000 Đô la Mỹ) là khoản phải thu từ Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước ("SCIC") thể hiện số tiền thặng dư từ việc thanh lý khoản đầu tư vào Công ty Bảo Minh CMG vào năm 2007 và đã tạm chuyển về SCIC để chờ ý kiến xử lý của Bộ tài chính. Trong kỳ, Bộ Tài chính, chủ sở hữu trước đây của Tổng Công ty đã có công văn số 6845 ngày 26 tháng 5 năm 2011 quyết định về việc thu hồi số tiền này về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương; tuy nhiên, Tổng Công ty đang chờ hướng dẫn xử lý cụ thể từ Bộ Tài chính nên vẫn tạm thời tiếp tục theo dõi khoản tiền này trên tài khoản phải thu khác.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tài sản khác VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 1/1/2011	108.979.962.202	42.369.872.664	64.740.822	29.965.343.858	3.743.795.951	185.123.715.497
Tăng trong năm	32.548.200	3.422.317.274	-	664.459.281	38.000.000	4.157.324.755
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	6.337.509.696	-	-	571.917.580	-	6.909.427.276
Thanh lý, nhượng bán	-	(429.487.560)	-	(243.482.895)	-	(672.970.455)
Tại ngày 30/6/2011	115.350.020.098	45.362.702.378	64.740.822	30.958.237.824	3.781.795.951	195.517.497.073
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 1/1/2011	33.539.142.651	31.926.802.135	45.125.073	22.912.749.097	2.845.989.703	91.269.808.659
Khấu hao trong năm	3.356.134.893	1.940.611.988	2.257.607	1.271.504.921	235.497.367	6.806.006.776
Giảm do thanh lý	-	(429.487.560)	-	(243.482.895)	-	(672.970.455)
Tại ngày 30/6/2011	36.895.277.544	33.437.926.563	47.382.680	23.940.771.123	3.081.487.070	97.402.844.980
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2011	78.454.742.554	11.924.775.815	17.358.142	7.017.466.701	700.308.881	98.114.652.093
Tại ngày 31/12/2010	75.440.819.551	10.443.070.529	19.615.749	7.052.594.761	897.806.248	93.853.906.838

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm nhà cửa, phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, dụng cụ văn phòng và các tài sản khác đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 51.521.073.292 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 43.975.300.755 đồng).

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2011	257.293.776.223	51.054.213.974	308.347.990.197
Tăng trong năm	-	67.152.540	67.152.540
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	587.700.000	-	587.700.000
Tại ngày 30/6/2011	257.881.476.223	51.121.366.514	309.002.842.737
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2011	346.028.975	18.584.259.623	18.930.288.598
Khấu hao trong năm	144.384.680	3.291.597.353	3.435.982.033
Tại ngày 30/6/2011	490.413.655	21.875.856.976	22.366.270.631
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2011	257.391.062.568	29.245.509.538	286.636.572.106
Tại ngày 31/12/2010	256.947.747.248	32.469.954.351	289.417.701.599

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 9.980.386.876 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 8.353.529.997 đồng).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	46.739.982.682	43.978.898.251
Tăng trong kỳ/năm	19.610.132.989	50.134.337.831
Kết chuyển sang tài sản cố định	(7.497.127.276)	(45.209.524.203)
Giảm khác	(31.726.000)	(2.163.729.197)
Tại ngày 30 tháng 6/ ngày 31 tháng 12	58.821.262.395	46.739.982.682

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Đầu tư vào công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Chứng khoán Bảo Minh (gọi tắt là "BMSC") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 90/UBCK-GP ngày 21 tháng 04 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. BMSC có vốn điều lệ là 300 tỷ đồng, trong đó Tổng Công ty sở hữu 70,08% vốn điều lệ tương đương với 70,08% quyền biểu quyết.

Hoạt động chính của BMSC là cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, và tư vấn đầu tư chứng khoán.

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

Công ty Bảo hiểm Liên hiệp (gọi tắt là "UIC") được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty liên doanh giữa Tổng Công ty, Công ty Bảo hiểm Sompo Japan (thành lập tại Nhật Bản) và Công ty Bảo hiểm TNHH LIG (thành lập tại Hàn Quốc) với thời hạn hoạt động là 25 năm theo Giấy phép đầu tư số 2003/GP ngày 1 tháng 11 năm 1997 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và các giấy phép điều chỉnh của Bộ Tài chính. Tổng Công ty sở hữu 48,45% vốn điều lệ tương đương với 48,45% quyền biểu quyết.

14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC VÀ DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	Cổ phiếu niêm yết VNĐ	Cổ phiếu chưa niêm yết VNĐ	Trái phiếu VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
GIÁ TRỊ KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN					
Tại ngày 1/1/2011	-	292.772.781.845	314.183.305.068	96.857.560.000	703.813.646.913
Tăng	1.510.528.785	28.489.471.215	-	27.000.000.000	57.000.000.000
Giảm	-	(4.982.000.000)	(35.977.240.000)	(37.000.000.000)	(77.959.240.000)
Tại ngày 30/6/2011	1.510.528.785	316.280.253.060	278.206.065.068	86.857.560.000	682.854.406.913

DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Tại ngày 1/1/2011	-	3.733.925.601	-	23.771.525.557	27.505.451.158
Tăng	96.335.600	-	-	39.635.632.607	39.635.632.607
Giảm	-	(15.000.000)	-	-	(15.000.000)
Tại ngày 30/6/2011	96.335.600	3.718.925.601	-	63.407.158.164	67.126.083.765

GIÁ TRỊ THUẬN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Tại ngày 30/6/2011	1.414.193.185	312.561.327.459	278.206.065.068	23.450.401.836	615.728.323.148
Tại ngày 31/12/2010	-	289.038.856.244	314.183.305.068	73.086.034.443	676.308.195.755

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Chi tiết danh mục đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết và trái phiếu tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Cổ phiếu Công ty CP Khách sạn Hạ Long	6.000.000.000	6.000.000.000
Cổ phiếu Công ty CP Bảo Hiểm Bưu Điện	48.020.000.000	48.020.000.000
Cổ phiếu Công ty CP Khách sạn Sài Gòn Kim Liên	7.618.100.000	7.618.100.000
Cổ phiếu Công ty CP Xi măng Hà Tiên	779.200.000	779.200.000
Cổ phiếu Công ty CP Vận tải Long An	100.000.000	100.000.000
Cổ phiếu TCT CP Tái bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam	43.218.000.000	43.218.000.000
Cổ phiếu Công ty Địa Ốc 9	514.000.000	514.000.000
Cổ phiếu Công ty CP Cấp nước Thủ Đức	-	1.277.992.000
Cổ phiếu Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Bảo Việt	40.080.953.060	40.080.944.145
Cổ phiếu Quỹ Đầu tư tăng trưởng Việt Nam - VF2	22.950.000.000	22.950.000.000
Cổ phiếu Công ty CP TM & DV Dầu khí Vũng Tàu	-	232.529.700
Cổ phiếu TCT CP Rượu bia nước giải khát Sài Gòn	7.000.000.000	7.000.000.000
Cổ phiếu Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	80.000.000.000	50.000.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa	-	4.982.016.000
Cổ phiếu Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam	60.000.000.000	60.000.000.000
	316.280.253.060	292.772.781.845
Trái phiếu Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	-	30.000.000.000
Trái phiếu Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu Khí	50.000.000.000	50.000.000.000
Trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long	20.000.000.000	20.000.000.000
Trái phiếu Tổng Công ty Điện lực Việt Nam	79.199.678.082	84.199.678.082
Trái phiếu Tập đoàn Công nghiệp Tàu Thủy (Vinashin)	67.000.000.000	67.000.000.000
Trái phiếu Chính phủ	62.006.386.986	62.983.626.986
	278.206.065.068	314.183.305.068

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản tiền gửi và khoản đầu tư ủy thác có kỳ hạn từ trên 1 năm.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	7.513.335.795	3.393.323.449
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ	40.431.677.793	36.457.127.704
Chi phí trả trước dài hạn khác	235.248.772	5.255.789.498
	48.180.262.360	45.106.240.651

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Phải trả bồi thường bảo hiểm gốc và hoàn phí gốc	3.325.504.254	5.597.412.888
Phải trả bồi thường tái bảo hiểm	24.598.602.325	25.749.196.915
Phải trả về nhượng phí tái bảo hiểm	277.178.661.615	220.460.289.972
	305.102.768.194	251.806.899.775

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	17.749.373.666	16.028.752.395
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.054.325.200	1.550.010.207
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước khác	4.077.935.656	5.567.362.902
	22.881.634.522	23.146.125.504

18. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

	Dự phòng phí VNĐ	Dự phòng bồi thường VNĐ	Dự phòng dao động lớn VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 1/1/2010	595.143.412.219	141.011.636.374	162.954.939.103	899.109.987.696
Số trích lập trong năm	47.181.937.758	27.168.760.797	45.226.303.908	119.577.002.463
Số sử dụng trong năm	-	-	(40.000.000.000)	(40.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2010	642.325.349.977	168.180.397.171	168.181.243.011	978.686.990.159
Số trích lập trong kỳ	170.132.213.542	17.842.992.348	28.325.145.702	216.300.351.592
Số sử dụng trong kỳ	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2011	812.457.563.519	186.023.389.519	186.506.388.713	1.184.987.341.751

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 755.000.000.000 đồng.

Mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Tổng Công ty như sau:

	30/6/2011	31/12/2010
Số lượng cổ phần được phép phát hành	75.500.000	75.500.000
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ	75.500.000	75.500.000
Mệnh giá (VNĐ)	10.000	10.000

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Quỹ dự trữ bắt buộc VNĐ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 1/1/2010	755.000.000.000	1.133.484.074.449	30.300.981.698	-	225.657.162.909	2.144.442.219.056
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	181.369.312.179	181.369.312.179
Cổ tức đã trả	-	-	-	-	(90.600.000.000)	(90.600.000.000)
Phân phối quỹ	-	-	9.068.465.609	9.068.465.609	(18.136.931.218)	-
Phân phối quỹ KTPL	-	-	-	-	(35.449.819.114)	(35.449.819.114)
Chi khác	-	-	-	-	(1.864.650.537)	(1.864.650.537)
Số dư tại ngày 31/12/2010	755.000.000.000	1.133.484.074.449	39.369.447.307	9.068.465.609	260.975.074.219	2.197.897.061.584
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	90.535.237.891	90.535.237.891
Cổ tức đã trả	-	-	-	-	(113.250.000.000)	(113.250.000.000)
Giảm khác	-	-	(785.548.663)	(785.548.663)	-	(1.571.097.326)
Chi khác	-	-	-	-	(197.545.505)	(197.545.505)
Số dư tại ngày 30/6/2011	755.000.000.000	1.133.484.074.449	38.583.898.644	8.282.916.946	238.062.766.605	2.173.413.656.644

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2011/BM/ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2011, các cổ đông của Tổng Công ty đồng ý chia cổ tức năm 2010 với số tiền là 113.250.000.000 đồng (15%/vốn điều lệ) từ lợi nhuận chưa phân phối của Tổng Công ty.

Các khoản giảm khác của quỹ dự trữ bắt buộc, quỹ khác thuộc vốn sở hữu và chi khác từ lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ là các khoản điều chỉnh phân phối lợi nhuận năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nêu trên.

Vốn điều lệ đã được góp như sau:

	Theo giấy chứng nhận doanh nghiệp		Vốn đã góp	
	VND	%	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Tổng Cty Đầu tư & KD vốn Nhà nước	382.788.000.000	50,70%	382.788.000.000	382.788.000.000
AXA .SA - Pháp	125.700.000.000	16,65%	125.700.000.000	125.700.000.000
Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam	42.532.000.000	5,63%	42.532.000.000	42.532.000.000
Tổng Công ty Sông Đà	24.304.000.000	3,22%	24.304.000.000	24.304.000.000
Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam	19.784.800.000	2,62%	19.784.800.000	19.784.800.000
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	12.152.000.000	1,61%	12.152.000.000	12.152.000.000
Tổng Công ty Hóa Chất VN	12.152.000.000	1,61%	12.152.000.000	12.152.000.000
Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	12.152.000.000	1,61%	12.152.000.000	12.152.000.000
Tổng Cty CP XNK Xây dựng Việt Nam	12.152.000.000	1,61%	12.152.000.000	12.152.000.000
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	6.076.000.000	0,80%	6.076.000.000	6.076.000.000
Tổng Công ty Vật tư Nông Nghiệp	6.076.000.000	0,80%	6.076.000.000	6.076.000.000
Tổng Công ty Thành An	4.340.000.000	0,57%	4.340.000.000	4.340.000.000
CBNV Bảo Minh và cổ đông bên ngoài	94.791.200.000	12,57%	94.791.200.000	94.791.200.000
	755.000.000.000	100%	755.000.000.000	755.000.000.000

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	73.861.697.939	57.574.478.528
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	16.406.716.195	8.035.528.982
Cổ tức, lợi nhuận được chia	42.267.036.900	77.228.167.116
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	28.364.510.298	13.662.841.943
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.984.609.572	5.813.551.562
Doanh thu hoạt động mua bán chứng khoán	995.250.000	633.154.299
Doanh thu hoạt động tài chính khác	774.180.125	1.244.399.330
	172.654.001.029	164.192.121.760

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VND
Lãi tiền vay	138.259.215	3.534.241.079
Chi phí quản lý phòng đầu tư	14.567.296.683	13.166.547.358
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	15.431.266.442	4.338.689.624
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.799.133.251	8.641.217.859
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	40.782.143.714	5.892.195.145
Chi phí hoạt động mua bán chứng khoán	886.986.251	3.323.692.537
Chi phí tài chính khác	22.527.272	37.727.272
	78.627.612.828	38.934.310.874

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Dạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	97.402.458.216	126.849.997.170
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(42.464.695.618)	(77.228.167.116)
Thu nhập chịu thuế	54.937.762.598	49.621.830.054
Thuế suất áp dụng	12,5%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.867.220.325	12.405.457.514

Theo Công văn trả lời số 3749/TCT-TTHT ngày 9 tháng 4 năm 2008 của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp niêm yết chứng khoán lần đầu trong giai đoạn 2004 - 2006, thì Tổng Công ty tiếp tục được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp cho 2 năm 2010 và 2011. Theo đó, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho năm 2011 là 12,5%. Đối với thu nhập từ hoạt động khác thì thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

Tổng Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

23. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Chi phí thuế hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	8.687.284.986	8.012.655.346

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuế hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Trong vòng một năm	7.726.216.168	12.524.445.514
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	9.469.082.185	14.244.713.279
Sau năm năm	1.308.106.443	1.124.425.280
	18.503.404.796	27.893.584.073

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Thu nhập		
Cổ tức nhận từ BMSC	10.502.400.000	10.478.900.000
Cổ tức nhận từ UIC	8.721.000.000	59.654.252.048
Tiền thuê văn phòng từ BMSC	169.157.808	825.000.000
Cổ tức		
Tổng Công ty nhờ BMSC trả cổ tức	909.003.000	757.677.600



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Số dư với các bên liên quan tại ngày lập báo cáo tài chính:

	30/6/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản phải thu		
Tiền thuê văn phòng từ BMSC	-	412.500.000

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương và các khoản phúc lợi khác	2.797.306.949	2.730.187.598


Vũ Thị Dung
Người lập

Nguyễn Phú Thủy
Kế toán trưởngLê Văn Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 8 năm 2011